

Số: 13/22/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất đã được kiểm toán năm 2021**

---

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - a. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 23/03/2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
  - b. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 12.745.322.645 đồng, giảm 1.517.328.411 đồng, giảm 10.64% so với cùng kỳ năm 2020, do năm 2021, kết quả kinh doanh tại các công ty con và công ty liên kết sụt giảm so với năm 2020, gây ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung trên báo cáo hợp nhất.
  - c. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 giảm 4.547.758.172 đồng so với báo cáo công ty tự lập, tương đương giảm 26.29%, nguyên nhân là do kiểm toán điều chỉnh lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha - bên liên kết của DBT, ảnh hưởng đến kết quả trên báo cáo KQHDKD hợp nhất.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:  
<http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM THỨ TRIỆU**

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 49

1300  
CÔ  
CÔ  
DƯỢC  
B  
BẾN

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNDKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN ban hành bởi HOSE vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch	
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Vũ Quang Đông	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Thử Triệu	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	
Ông Trần Nguyễn Gia Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trần Gia Bảo	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đậu Thị Thúy Mai	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Đăng Nhật	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021
Bà Đỗ Trần Văn Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2021

# Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2021

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Minh	Chủ tịch
Ông Phạm Thứ Triệu	Tổng Giám đốc

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc.



Phạm Thứ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61607262/22976158/HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập Ngày 23 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**EY**

Building a better  
working world

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Năm Hưng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Ngô Thị Thúy Hòa  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4171-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>613.423.111.892</b>	<b>701.638.384.392</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>18.962.837.445</b>	<b>31.642.636.528</b>
111	1. Tiền		18.962.837.445	18.642.636.528
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>11.190.035.616</b>	<b>55.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		11.190.035.616	55.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>169.566.058.896</b>	<b>201.323.769.508</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	127.670.244.140	188.234.206.927
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	2.194.398.581	3.871.332.345
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	40.530.564.993	11.355.940.789
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(829.148.818)	(2.137.710.553)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>401.281.209.530</b>	<b>397.312.526.827</b>
141	1. Hàng tồn kho		410.291.779.155	402.285.973.389
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.010.569.625)	(4.973.446.562)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.422.970.405</b>	<b>16.359.451.529</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	768.598.841	834.291.025
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	11.654.371.564	15.525.160.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>173.568.685.370</b>	<b>195.967.918.462</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.476.235.711</b>	<b>4.970.414.087</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	2.476.235.711	4.970.414.087
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>54.499.239.698</b>	<b>79.936.073.735</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	50.136.549.548	75.488.113.759
222	Nguyên giá		120.615.753.568	181.001.403.201
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.479.204.020)	(105.513.289.442)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	92.727.273	-
225	Nguyên giá		92.727.273	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.269.962.877	4.447.959.976
228	Nguyên giá		6.360.480.457	6.596.578.777
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.090.517.580)	(2.148.618.801)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
231	1. Nguyên giá		52.826.363	52.826.363
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(52.826.363)	(52.826.363)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>5.079.318.618</b>	<b>5.449.091.839</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	5.079.318.618	5.449.091.839
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>16</b>	<b>54.412.647.178</b>	<b>54.413.292.779</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		54.412.647.178	54.413.292.779
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>57.101.244.165</b>	<b>51.199.046.022</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	50.946.193.369	43.193.320.437
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	4.594.858.574	3.387.860.862
269	3. Lợi thế thương mại	17	1.560.192.222	4.617.864.723
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>786.991.797.262</b>	<b>897.606.302.854</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

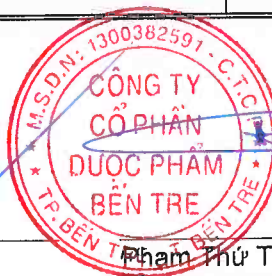
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>587.435.154.059</b>	<b>650.380.951.274</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>568.540.681.308</b>	<b>628.418.444.274</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	180.266.231.815	200.404.624.602
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		854.401.925	440.154.188
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	4.457.643.795	8.000.744.003
314	4. Phải trả người lao động		9.930.517.730	7.492.667.129
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	5.561.075.677	4.884.717.148
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		203.636.364	180.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	783.351.838	1.814.199.982
320	8. Vay ngắn hạn	22	365.514.433.900	403.906.829.403
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		969.388.264	1.294.507.819
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>18.894.472.751</b>	<b>21.962.507.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.082.651.200	130.500.000
338	2. Vay dài hạn	22	17.811.821.551	21.832.007.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>199.556.643.203</b>	<b>247.225.351.580</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23.1</b>	<b>199.506.643.203</b>	<b>247.175.351.580</b>
411	1. Vốn cổ phần		142.051.160.000	135.288.140.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		142.051.160.000	135.288.140.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		523.056.160	433.056.160
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(495.717.677)	895.826.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.354.804.815	9.354.804.815
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.536.822.093	2.536.822.093
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.187.353.277	42.615.082.389
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.351.157.008	31.310.437.024
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		11.836.196.269	11.304.645.365
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.349.164.535	56.051.619.205
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		50.000.000	50.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>786.991.797.262</b>	<b>897.606.302.854</b>

Nguyễn Thùy Dung  
Người lập

Nguyễn Khắc Hạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	633.963.024.056	843.390.439.358
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(21.914.168.175)	(6.980.269.694)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	612.048.855.881	836.410.169.664
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(427.215.660.398)	(624.734.267.638)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		184.833.195.483	211.675.902.026
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	29.070.811.976	9.857.622.736
22	7. Chi phí tài chính	26	(24.649.138.029)	(26.760.271.692)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(23.361.003.006)	(23.842.446.048)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	16	1.390.898.994	4.314.917.461
25	9. Chi phí bán hàng	27	(137.102.508.913)	(133.411.871.093)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(36.269.792.456)	(47.400.418.508)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.273.467.055	18.275.880.930
31	12. Thu nhập khác	28	529.766.187	1.700.602.192
32	13. Chi phí khác		(104.223.473)	(2.823.706.608)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác		425.542.714	(1.123.104.416)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.699.009.769	17.152.776.514
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(6.160.684.836)	(5.162.431.500)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	1.206.997.712	2.272.306.042
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.745.322.645	14.262.651.056
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		13.624.396.269	11.304.645.365
62	20. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(879.073.624)	2.958.005.691

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

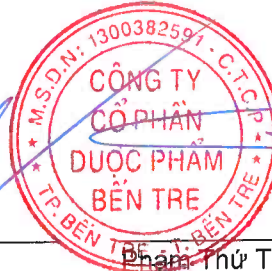
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.5	908	746
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23.5	908	746



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng



Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>17.699.009.769</b>	<b>17.152.776.514</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 17	7.483.590.610	12.667.114.394
03	Dự phòng		3.476.453.713	5.594.054.965
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.496.051.866	1.264.189.604
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(22.586.651.943)	(8.672.074.247)
06	Chi phí lãi vay	26	23.361.003.006	23.842.446.048
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.929.457.021</b>	<b>51.848.507.278</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		25.905.078.240	(53.632.339.483)
10	Tăng hàng tồn kho		(14.218.970.906)	(111.003.485.260)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(40.428.991.409)	69.414.765.541
12	Tăng chi phí trả trước		(8.179.071.173)	(23.674.809.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.608.346.855)	(23.331.020.748)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(8.806.675.782)	(1.791.866.624)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.174.540.357)	(1.144.860.687)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(37.582.061.221)</b>	<b>(93.315.109.380)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(9.563.598.888)	(13.906.711.014)
22	Tiền thu do nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		158.879.055	-
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(54.690.035.616)	(6.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		98.500.000.000	11.317.960.204
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(2.048.930.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.447.238.942	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		2.390.715.415	3.688.172.263
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>77.194.268.908</b>	<b>(4.900.578.547)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

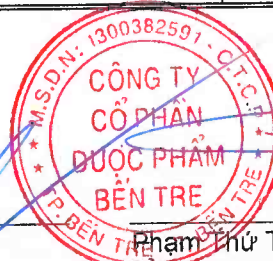
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	22	580.995.739.197	828.114.445.766
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(623.408.320.149)	(728.703.794.132)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(9.917.555.900)	(68.443.245)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(13.273.549)	(1.241.661.051)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(52.343.410.401)</b>	<b>98.100.547.338</b>
50	Giảm tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		<b>(12.731.202.714)</b>	<b>(115.140.589)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<b>31.642.636.528</b>	<b>31.784.441.041</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		51.403.631	(26.663.924)
70	Tiền cuối năm	4	<b>18.962.837.445</b>	<b>31.642.636.528</b>



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Khắc Hạnh  
Kê toán trưởng




Phạm Thủ Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 7 năm 2004, và các Giấy CNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHN do HOSE ban hành vào ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") là mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng đại diện tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Tầng 8, Tòa nhà Văn phòng Viwaseen, Đường Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;
- Số 51 Đường 1B, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình;
- Lô A3-28 và A3-29, Đường Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ; và

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 603 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 610).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	85,9	82,15
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	23,14	23,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng mua đang đi đường và hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang                    | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Nhận hiệu hàng hóa	10 năm

3003  
 CÔNG  
 CỔ P  
 ƯỚC  
 BẾN  
 N TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng, thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng và công văn số 3279/CV-NVDTPC ký với Cục Thuế Tỉnh Yên Bái vào ngày 18 tháng 9 năm 2020 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong năm kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

▶ *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

**3.17 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.18 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty mua bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê kho bãi và mặt bằng. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm, dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG KỲ**

**4.1 Tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (“DYB”)**

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã mua thêm 3,75% cổ phần DYB với tổng giá phí là 2.048.930.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 82,15% lên 85,9% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 139.839.205 VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm.

**4.2 Thanh lý Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (“DNT”)**

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong DNT cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/27.04/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2021 với tổng giá trị là 68.894.944.757 VND. Theo đó, Nhóm Công ty hiện không còn nắm quyền sở hữu trong DNT sau ngày 30 tháng 4 năm 2021. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 18.951.380.399 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	13.784.759.491	14.794.990.916
Tiền mặt	5.178.077.954	3.847.645.612
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.962.837.445</u></b>	<b><u>31.642.636.528</u></b>

**6. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	8.000.000.000	8.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	<u>3.190.035.616</u>	<u>3.190.035.616</u>	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.190.035.616</u></b>	<b><u>11.190.035.616</u></b>	<b><u>55.000.000.000</u></b>	<b><u>55.000.000.000</u></b>

(\*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Toàn bộ khoảng trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 22.1).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	127.500.471.992	188.116.938.160
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	<u>169.772.148</u>	<u>117.268.767</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>127.670.244.140</u></b>	<b><u>188.234.206.927</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(829.148.818)</u>	<u>(2.137.710.553)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>126.841.095.322</u></b>	<b><u>186.096.496.374</u></b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.137.710.553	910.484.654
Dự phòng trích lập trong năm	1.059.406.372	1.359.209.694
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.620.075.722)	(22.539.405)
Giảm dự phòng từ thanh lý công ty con	(747.892.385)	-
Xóa sổ	-	(109.444.390)
Số cuối năm	<u>829.148.818</u>	<u>2.137.710.553</u>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	2.194.398.581	3.321.132.345
<i>PK Benelux BV</i>	1.146.410.781	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng</i>	262.753.957	-
<i>Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Dương</i>	-	1.492.667.860
<i>Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam</i>	-	569.945.000
<i>Khác</i>	785.233.843	1.258.519.485
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	550.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>2.194.398.581</b></u>	<u><b>3.871.332.345</b></u>

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.530.564.993</b>	<b>11.355.940.789</b>
Tạm ứng cho nhân viên	36.625.519.116	2.510.282.774
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.750.330.058	3.940.568.270
Các khoản chi hộ	431.554.866	1.264.292.144
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	703.160.953	140.369.081
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	2.958.865.000
Khác	20.000.000	541.563.520
<b>Dài hạn</b>	<b>2.476.235.711</b>	<b>4.970.414.087</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.140.000.000	1.140.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	705.276.231	3.504.014.087
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	230.000.000
Khác	400.959.480	96.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>43.006.800.704</b></u>	<u><b>16.326.354.876</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	353.842.165.013	(9.010.569.625)	366.701.290.926	(4.973.446.562)
Hàng đang đi trên đường	43.358.982.513	-	13.903.136.097	-
Nguyên liệu, vật liệu	6.569.941.181	-	15.390.649.802	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.606.347.424	-	922.978.049	-
Thành phẩm	3.914.343.024	-	5.361.808.492	-
Hàng gửi đi bán	-	-	4.935.645	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.174.378	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>410.291.779.155</b>	<b>(9.010.569.625)</b>	<b>402.285.973.389</b>	<b>(4.973.446.562)</b>

(\*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.973.446.562	788.935.440
Dự phòng trích lập trong năm	18.138.695.092	11.704.430.861
Sử dụng và bán trong năm	(14.101.572.029)	(7.337.601.795)
Xuất hủy trong năm	-	(182.317.944)
Số cuối năm	<u>9.010.569.625</u>	<u>4.973.446.562</u>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>768.598.841</b>	<b>834.291.025</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	420.134.285	605.584.070
Chi phí mua bảo hiểm	161.498.939	70.129.387
Chi phí sửa chữa và bảo trì	111.552.388	67.555.515
Khác	75.413.229	91.022.053
<b>Dài hạn</b>	<b>50.946.193.369</b>	<b>43.193.320.437</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	44.477.329.995	35.782.820.570
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	4.156.930.162	4.836.597.202
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.082.538.955	1.553.067.285
Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà kho	446.789.297	333.503.906
Quyền phân phối sản phẩm	-	583.333.333
Khác	782.604.960	103.998.141
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.714.792.210</b>	<b>44.027.611.462</b>

(\*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Nhóm Công ty tại các Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

(\*\*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Nhóm Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	86.125.004.910	69.432.705.794	17.087.082.878	8.356.609.619	181.001.403.201
Mua trong năm	1.299.278.598	1.988.586.347	3.406.789.091	78.043.000	6.772.697.036
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.178.008.139	-	-	-	2.178.008.139
Phân loại lại	-	4.895.126.272	(839.795.531)	(3.729.417.421)	325.913.320
Giảm do thanh lý công ty con	(31.682.962.793)	(32.938.250.507)	(1.598.536.500)	-	(66.219.749.800)
Thanh lý trong kỳ	-	(212.818.182)	(3.229.700.146)	-	(3.442.518.328)
Số cuối năm	57.919.328.854	43.165.349.724	14.825.839.792	4.705.235.198	120.615.753.568
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	7.587.819.738	16.124.276.440	4.009.021.415	6.734.129.437	34.455.247.030
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(37.150.785.688)	(50.638.081.354)	(10.073.479.720)	(7.650.942.680)	(105.513.289.442)
Khấu hao trong năm	(2.532.715.050)	(2.738.171.913)	(1.245.656.128)	(227.131.156)	(6.743.674.247)
Phân loại lại	-	(5.315.871.024)	(231.204.480)	5.221.162.168	(325.913.384)
Giảm do thanh lý công ty con	16.769.660.065	21.527.385.487	1.016.832.541	-	39.313.878.093
Thanh lý trong kỳ	-	212.818.182	2.576.976.778	-	2.789.794.960
Số cuối năm	(22.913.840.673)	(36.951.920.622)	(7.956.531.009)	(2.656.911.668)	(70.479.204.020)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	48.974.219.222	18.794.624.440	7.013.603.158	705.666.939	75.488.113.759
Số cuối năm	35.005.488.181	6.213.429.102	6.869.308.783	2.048.323.530	50.136.549.548
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22.1 và 22.3)	24.634.570.804	2.243.272.071	2.813.541.014	-	29.691.383.889

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu hàng hóa	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm	4.302.988.457	1.979.090.320	314.500.000	6.596.578.777
Mua trong năm	-	89.815.000	-	89.815.000
Phân loại lại	-	(325.913.320)	-	(325.913.320)
Số cuối năm	4.302.988.457	1.742.992.000	314.500.000	6.360.480.457
<b>Trong đó:</b>				
Đã hao mòn hết	-	1.444.952.000	-	1.444.952.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	(438.441.925)	(1.699.693.544)	(10.483.332)	(2.148.618.801)
Hao mòn trong năm	(39.273.712)	(197.088.388)	(31.449.996)	(267.812.096)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	325.913.317	-	325.913.317
Số cuối năm	(477.715.637)	(1.570.868.615)	(41.933.328)	(2.090.517.580)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	3.864.546.532	279.396.776	304.016.668	4.447.959.976
Số cuối năm	3.825.272.820	172.123.385	272.566.672	4.269.962.877
<b>Trong đó:</b>				
Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 22.1 và số 22.3)	3.535.662.769	-	-	3.535.662.769



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

		VND
		<i>Máy móc và thiết bị</i>
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm	-	
Mua trong năm	92.727.273	
Số cuối năm	<u>92.727.273</u>	
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>		
Số đầu năm và cuối năm	-	
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm	-	
Số cuối năm	<u>92.727.273</u>	

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Nhà kho và canteen	5.079.318.618	-
Thiết bị nhà máy vi sinh	-	5.156.140.939
Máy đóng gói chất lỏng tự động	-	292.950.900
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>5.079.318.618</b></u>	<u><b>5.449.091.839</b></u>

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Codupha"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính đã đăng ký của Codupha là kinh doanh dược phẩm (tân dược, đông dược), dụng cụ y tế thông thường, vắc xin, sinh phẩm y tế; bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty sở hữu 23,14% vốn cổ phần của Codupha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết này được trình bày như sau:

	VND
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha</i>
<b>Giá gốc đầu tư:</b>	
Số đầu năm và cuối năm	<u>48.108.225.000</u>
<b>Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>	
Số đầu năm	6.305.067.779
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong năm	1.390.898.994
Lỗi chênh lệch tỷ giá	<u>(1.391.544.595)</u>
Số cuối năm	<u>6.304.422.178</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>54.413.292.779</u>
Số cuối năm	<u>54.412.647.178</u>

Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với giá trị 32.632.000.000 VND được sử dụng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận (*Thuyết minh số 22.1*).

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

			VND
	<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	<i>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
Giảm do thanh lý	-	(4.309.280.504)	(4.309.280.504)
Số cuối năm	<u>3.284.615.191</u>	-	<u>3.284.615.191</u>
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(1.395.961.453)	(1.580.069.519)	(2.976.030.972)
Phân bổ trong năm	(328.461.516)	(143.642.684)	(472.104.200)
Giảm do thanh lý	-	1.723.712.203	1.723.712.203
Số cuối năm	<u>(1.724.422.969)</u>	-	<u>(1.724.422.969)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>1.888.653.738</u>	<u>2.729.210.985</u>	<u>4.617.864.723</u>
Số cuối năm	<u>1.560.192.222</u>	-	<u>1.560.192.222</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	180.266.231.815	200.246.806.525
<i>Gedeon Richter Plc</i>	76.580.005.794	31.308.635.797
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	55.135.716.808	73.385.709.734
<i>Công ty cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</i>	10.973.981.698	-
<i>Công ty TNHH Dược phẩm Minh Tiến</i>	-	10.990.242.643
<i>Công ty TNHH Thiết Bị Khoa Học Lan Oanh</i>	-	3.441.480.000
<i>Công ty Cổ phần hóa chất Á Châu</i>	-	3.051.180.000
<i>Khác</i>	37.576.527.515	78.069.558.351
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	-	157.818.077
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>180.266.231.815</u></b>	<b><u>200.404.624.602</u></b>





# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>					VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.909.865.502	6.160.684.836	(11.337.824)	(8.806.675.782)	3.252.536.732
Thuế thu nhập cá nhân	1.916.265.904	2.139.417.945	(9.407.790)	(3.280.128.961)	766.147.098
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	174.612.597	252.866.167.530	-	(252.601.820.162)	438.959.965
Thuế khác	-	735.428.408	-	(735.428.408)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.000.744.003</b>	<b>261.901.698.719</b>	<b>(20.745.614)</b>	<b>(265.424.053.313)</b>	<b>4.457.643.795</b>
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	15.525.160.504	254.180.136.082	(2.803.852.408)	(255.247.072.614)	11.654.371.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>783.351.838</b>	<b>1.814.199.982</b>
Cổ tức phải trả	429.488.150	419.557.899
Kinh phí công đoàn	341.601.688	191.557.162
Khác	12.262.000	1.203.084.921
<b>Dài hạn</b>	<b>1.082.651.200</b>	<b>130.500.000</b>
Kỳ quỹ đã nhận	1.082.651.200	130.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.866.003.038</u></b>	<b><u>1.944.699.982</u></b>

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chương trình quà tặng khuyến mãi	4.516.631.189	3.639.270.774
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	255.600.000	110.000.000
Lãi vay	282.644.764	529.988.613
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	164.799.724	333.330.406
Khác	341.400.000	272.127.355
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.561.075.677</u></b>	<b><u>4.884.717.148</u></b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Phân loại lại	Trả trong năm	Số cuối năm
					VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>403.906.829.403</b>	<b>572.880.830.106</b>	<b>5.935.094.540</b>	<b>(617.208.320.149)</b>	<b>365.514.433.900</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	399.079.752.766	572.880.830.106	-	(612.018.680.149)	359.941.902.723
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	187.436.637	-	-	(100.000.000)	87.436.637
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.3)	4.639.640.000	-	5.902.640.000	(5.089.640.000)	5.452.640.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.5)	-	-	32.454.540	-	32.454.540
<b>Vay dài hạn</b>	<b>21.832.007.000</b>	<b>8.114.909.091</b>	<b>(5.935.094.540)</b>	<b>(6.200.000.000)</b>	<b>17.811.821.551</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	17.832.007.000	5.850.000.000	(5.902.640.000)	-	17.779.367.000
Vay một bên khác (Thuyết minh số 22.4)	4.000.000.000	2.200.000.000	-	(6.200.000.000)	-
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 22.5)	-	64.909.091	(32.454.540)	-	32.454.551
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>425.738.836.403</b>	<b>580.995.739.197</b>	<b>-</b>	<b>(623.408.320.149)</b>	<b>383.326.255.451</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi (%/năm)	Lãi suất
-----------	----------------------	----------------------------------	----------

Hình thức đảm bảo

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Khoản vay 1	265.392.462.626	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2022 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	5,6 - 5,8
-------------	-----------------	--	-----------

30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành; 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành; Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng; Hàng tồn kho được phẩm các loại; Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 77, số 80, số 81 tỉnh Bến Tre và các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	42.385.794.499	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022	6,0
-------------	----------------	--	-----

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/HETG-KHDN/2020 trị giá 3.190.035.616 VND; Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha trị giá 32.632.000.000 VND; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thửa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ; Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BA 166880; Hàng tồn kho được phẩm các loại.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	----------------------	-----------------------	---------------------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM

Khoản vay 1	29.941.576.682	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2022 đến ngày 20 tháng 9 năm 2022	5,5 - 5,8	Tín chấp
-------------	----------------	---	-----------	----------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái

Khoản vay 1	22.222.068.916	Từ ngày 8 tháng 1 năm 2022 đến ngày 27 tháng 7 năm 2022	6,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BD 202192 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái.
-------------	----------------	--	-----	--

**TỔNG CỘNG** 359.941.902.723

### 22.2 Vay ngắn hạn các bên khác

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Mục đích	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</b>					
Khoản vay 1	12.550.000.000	Ngày 9 tháng 12 năm 2027	Thanh toán tiền thuê đất	9	Quyền sử dụng đất thuê 50 năm tại tỉnh Bến Tre.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	5.609.007.000	Ngày 12 tháng 11 năm 2024	Thanh toán tiền thuê đất	8	Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền sử dụng đất số BG 992958.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái</b>					
Khoản vay 1	4.500.000.000	Ngày 29 tháng 09 năm 2026	Thanh toán các chi phí đầu tư của dự án cho vay vốn có định và tiền thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian.	8	Tài sản gắn liền với đất trị giá 2.966.068.582 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre</b>					
Khoản vay 1	440.000.000	Ngày 18 tháng 11 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	8,9	Tài sản hình thành từ vốn vay
Khoản vay 2	133.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2022	Mua sắm xe ô tô	10,5	Tài sản hình thành từ vốn vay
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.232.007.000</b>				
Trong đó:					
Vay dài hạn					
đến hạn trả	5.452.640.000				
Vay dài hạn	17.779.367.000				

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. VAY (tiếp theo)

### 22.4 Vay dài hạn một bên khác

Khoản vay dài hạn là khoản vay từ cá nhân bà Nguyễn Thiên Nga để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2023 với lãi suất 8%/năm và không có tài sản bảo đảm.

### 22.5 Các khoản thuế tài chính

Chi tiết các khoản thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	32.454.540	-	-	-	-
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Từ 1-5 năm	32.454.551	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>64.909.091</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>							VND
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	-	9.354.804.815	2.536.822.093	35.709.307.160	183.322.130.228
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	11.304.645.365	11.304.645.365
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(706.638.275)	(706.638.275)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.485.122.222)	(1.485.122.222)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	895.826.918	-	-	(934.628.796)	(38.801.878)
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.272.480.843)	(1.272.480.843)
<b>Số cuối năm</b>	<b>135.288.140.000</b>	<b>433.056.160</b>	<b>895.826.918</b>	<b>9.354.804.815</b>	<b>2.536.822.093</b>	<b>42.615.082.389</b>	<b>191.123.732.375</b>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 23.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Số đầu năm	135.288.140.000	433.056.160	895.826.918	9.354.804.815	2.536.822.093	42.615.082.389	191.123.732.375	
Tăng vốn (*)	6.763.020.000	-	-	-	-	(6.763.020.000)	-	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	13.624.396.269	13.624.396.269	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.943.581.200)	(9.943.581.200)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(724.593.600)	(724.593.600)	
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(1.770.405.800)	(1.770.405.800)	
Mua thêm lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	-	149.475.219	149.475.219	
Điều chỉnh trong tài sản thuần của công ty liên kết	-	-	(1.391.544.595)	-	-	-	(1.391.544.595)	
Tăng khác	-	90.000.000	-	-	-	-	90.000.000	
Số cuối năm	142.051.160.000	523.056.160	(495.717,677)	9.354.804.815	2.536.822.093	37.187.353.277	191.157.478.668	

(\*) Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Công ty đã phát hành 676.302 cổ phiếu mới với mức giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 theo Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 11 năm 2020 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 3 tháng 2 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	135.288.140.000	135.288.140.000
Vốn góp tăng trong năm	6.763.020.000	-
Số cuối năm	<u>142.051.160.000</u>	<u>135.288.140.000</u>

**23.3 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho cổ đông công ty mẹ	9.917.555.900	68.443.245
Cổ tức trả bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	13.273.549	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>9.930.829.449</b></u>	<u><b>68.443.245</b></u>

**23.4 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.205.116	13.528.814
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>13.528.814</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	14.205.116	13.528.814
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.205.116</i>	<i>13.528.814</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**23.5 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	13.624.396.269	11.304.645.365
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi	<u>(724.593.600)</u>	<u>(706.638.275)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	12.899.802.669	10.598.007.090
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	<u>14.205.116</u>	<u>14.205.116</u>
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>908</b>	<b>746</b>

(\*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với tỷ lệ 20:1 đã thực hiện trong năm 2021.

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>633.963.024.056</b>	<b>843.390.439.358</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	566.899.435.671	807.401.010.725
Doanh thu bán thành phẩm	65.817.055.580	34.780.446.265
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.162.409.096	1.121.818.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	84.123.709	87.164.187
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(21.914.168.175)</b>	<b>(6.980.269.694)</b>
Chiết khấu thương mại	(17.538.328.407)	(6.007.131.917)
Hàng bán bị trả lại	(4.353.033.367)	(276.113.753)
Giảm giá hàng bán	<u>(22.806.401)</u>	<u>(697.024.024)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>612.048.855.881</b>	<b>836.410.169.664</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	580.306.807.292	800.715.179.220
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	30.495.515.784	34.486.008.076
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	1.246.532.805	1.208.982.368
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	611.367.119.857	744.219.753.437
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	681.736.024	92.190.416.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU** (tiếp theo)

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý công ty con	18.951.380.399	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.851.714.699	5.087.409.060
Lãi tiền gửi	2.085.493.495	4.357.156.786
Chiết khấu thanh toán	178.334.831	408.666.610
Khác	3.888.552	4.390.280
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.070.811.976</u></b>	<b><u>9.857.622.736</u></b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	376.648.774.525	557.248.316.093
Giá vốn thành phẩm	50.418.423.019	67.221.352.836
Giá vốn cho thuê hoạt động	148.462.854	264.598.709
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>427.215.660.398</u></b>	<b><u>624.734.267.638</u></b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.361.003.006	23.842.446.048
Chiết khấu thanh toán	673.263.243	950.966.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	614.871.780	1.966.858.691
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.649.138.029</u></b>	<b><u>26.760.271.692</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>137.102.508.913</b>	<b>133.411.871.093</b>
Chi phí nhân viên	80.280.073.810	85.777.497.431
Chi phí hàng khuyến mãi	22.461.826.971	7.537.570.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.457.186.930	26.463.681.889
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.132.934.433	1.229.820.088
Khác	9.770.486.769	12.403.301.392
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>36.269.792.456</b>	<b>47.400.418.508</b>
Chi phí nhân viên	20.045.098.571	23.961.331.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.439.876.357	9.610.605.031
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.326.116.409	1.193.713.540
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	472.104.200	759.389.568
Khác	4.986.596.919	11.875.378.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>173.372.301.369</u></b>	<b><u>180.812.289.601</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi do thanh lý tài sản cố định	158.879.055	-
Xóa sổ công nợ	-	473.258.330
Tiền phạt và tiền bồi thường nhận được	-	368.807.610
Khác	370.887.132	858.536.252
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>529.766.187</u></b>	<b><u>1.700.602.192</u></b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	376.648.774.525	557.248.316.093
Chi phí nhân viên	115.442.806.320	125.151.290.259
Chi phí nguyên vật liệu	36.256.200.417	44.535.130.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.856.572.758	25.144.766.219
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 16)	7.483.590.543	12.667.114.394
Chi phí khác	45.078.528.285	32.075.760.574
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>593.766.472.848</u></b>	<b><u>796.822.378.162</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.160.684.836	6.811.942.960
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa những năm trước	-	(1.258.392.522)
Giảm thuế TNDN	-	(391.118.938)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.160.684.836	5.162.431.500
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.206.997.712)	(2.272.306.042)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.953.687.124</b>	<b>2.890.125.458</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.699.009.769</b>	<b>17.152.776.514</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	3.539.801.954	3.430.555.301
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	1.055.774.472	519.163.418
Chi phí không được trừ	1.082.279.225	1.041.309.608
Lãi từ thanh lý công ty con	(445.988.728)	-
Phần lỗ từ công ty liên kết	(278.179.799)	(862.983.492)
Giảm thuế TNDN	-	(391.118.938)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(1.258.392.522)
Khác	-	411.592.083
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.953.687.124</b>	<b>2.890.125.458</b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

		Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
VND					
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>					
Chi phí trích trước		1.097.161.032	937.233.881	159.927.151	937.233.881
Chi phí lãi vay		4.002.612.052	2.559.843.608	1.442.768.444	2.559.843.608
Lợi nhuận chưa thực hiện		326.471.517	805.484.191	(479.012.674)	(907.593.498)
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>					
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng		(831.386.027)	(914.700.818)	83.314.791	(317.177.949)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>4.594.858.574</b>	<b>3.387.860.862</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				<b>1.206.997.712</b>	<b>2.272.306.042</b>

**30.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.659.460.180 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND	
Năm phát sinh đến	Có thể sử dụng	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ	Không	Chưa chuyển
			đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	được chuyển lỗ	lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2016	2021	7.615.747.120	(7.615.747.120)	-	-
2020	2025	1.380.587.822	-	-	1.380.587.822
2021	2026	5.278.872.358 (*)	-	-	5.278.872.358
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14.275.207.300</b>	<b>(7.615.747.120)</b>	<b>-</b>	<b>6.659.460.180</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.



## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Mundus Stones	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng	849.752.160	1.146.535.530
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Cổ tức nhận được	685.005.260 2.958.865.000	725.993.440 3.804.255.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán Nội bộ và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Thu nhập (*)	
	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Minh	956.116.227	564.300.000
Ông Vũ Quang Đông	334.200.727	1.175.084.000
Bà Đậu Thị Thúy Mai	437.470.318	-
Ông Phạm Thứ Triệu	1.124.450.306	1.079.865.000
Ông Võ Minh Tân	-	239.631.444
Ông Hoàng Xuân An	1.029.406.127	1.021.229.327
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	536.812.374	534.042.499
Bà Trần Thị Thanh Phương	306.192.008	465.316.400
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	254.406.300	456.077.499
Bà Hoàng Thị Bình	523.728.955	586.614.000
Ông Đỗ Bảo Long	344.127.500	372.600.000
Bà Hoàng Kiều Vân	334.035.936	249.623.800
Bà Lê Thị Thu	212.954.900	-
Ông Nguyễn Đức Sơn	13.363.636	39.000.000
Ông Nguyễn Huy Thành	36.000.000	39.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	319.500.000	303.300.000
Ông Nguyễn Khắc Hanh	283.500.000	264.300.000
Ông Lê Vinh Danh	13.500.000	144.300.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.059.765.314</b>	<b>7.534.283.969</b>

(\*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	169.772.148	117.268.767
<b>Ứng trước cho người bán ngắn hạn</b>				
Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	-	550.200.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	2.958.865.000
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	157.818.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

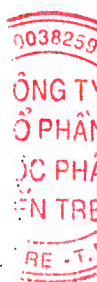
	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	15.044.864.169	14.983.654.570
Từ 1 - 5 năm	72.860.707.874	70.522.666.280
Trên 5 năm	34.286.546.616	14.595.075.271
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>122.192.118.659</u></b>	<b><u>100.101.396.121</u></b>

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.150.909.091	979.636.364
Từ 1 – 5 năm	1.849.110.909	1.570.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.000.020.000</u></b>	<b><u>2.549.636.364</u></b>

**33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ông Huỳnh Lê Duy Việt	-	5.283.260.500
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dược Vật tư		
Y tế Quảng Ngãi	-	66.641.390
Đại lý Cao Văn Tươi	-	33.111.268
Đại lý 126 Phạm Thị Nga	-	6.584.879
Quầy thuốc 449 Trần Anh Tài	-	3.106.853
Ngoại tệ		
USD	49,262	234,24
EUR	17,265	201,85



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. ĐẠI DỊCH COVID-10**


Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Thùy Dung  
Người lập



Nguyễn Khắc Hành  
Kế toán trưởng



Phạm Thử Triệu  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022